

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VẬN TẢI PHÚC ĐIỀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VẬN TẢI PHÚC ĐIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107518757

**3. Ngày thành lập:** 27/07/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 417, Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0436270950-0911188686- Fax:  
0978772877

Email: [thuyhang011283@yahoo.com.vn](mailto:thuyhang011283@yahoo.com.vn) Website:  
n

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới<br>Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ                              | 5021     |
| 2.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới<br>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ                                    | 5022     |
| 3.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan<br>Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)<br>Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác | 5210     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt<br>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ           | 5221     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5222 |
| 6.  | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt<br>Bốc xếp hàng hóa đường bộ<br>Bốc xếp hàng hoá cảng biển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5224 |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu<br>- Môi giới thuê phương tiện vận tải bộ;<br>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần;<br>- Hoạt động liên quan khác như lấy mẫu, cân hàng hoá...liên quan đến vận tải.<br>(Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật). | 5229 |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4669 |
| 9.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3811 |
| 10. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3821 |
| 11. | Tái chế phế liệu<br>Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại<br>Tái chế phế liệu phi kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3830 |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4100 |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt<br>Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4210 |
| 14. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4220 |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.                                                                 | 4290 |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm: hoạt động dò mìn, nổ mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312(Chính) |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước<br>Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                   | 4322        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329        |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330        |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4390        |
| 23. | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4911        |
| 24. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4912        |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi<br>Vận tải hành khách bằng xe lam, xe lôi, xe máy<br>Vận tải hành khách bằng xe đạp, xe xích lô và xe thô sơ khác                                                                                   | 4931        |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh<br>Vận tải hàng khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                     | 4932        |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng<br>Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)<br>Vận tải hàng hóa bằng xe lam, xe lôi, xe công nông<br>Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ<br>Vận tải hàng hoá bằng phương tiện đường bộ khác                                     | 4933        |
| 28. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Hoạt động kiến trúc<br>Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác<br>- Việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh...                                                                | 7110        |

